

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/HNGĐ - ST

Ngày 26 tháng 7 năm 2024

V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền và Bà Lê Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân tham gia phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Vân- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST- HNGĐ ngày 31/01/2024 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐST- HNGĐ ngày 31/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST- HNGĐ ngày 25/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/7/2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N), sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn BD, xã VX, huyện TX, tỉnh Thanh hóa (*có đơn xét xử vắng mặt*);

+ *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Lê Thị N

Bà Phan Thị Nhung- Trợ giúp viên Pháp lý của Chi nhánh số 6, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

+ *Bị đơn:* Ông Cầm Bá T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn BD, xã VX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2024; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Cầm Bá T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương như vợ chồng từ tháng 5 năm 1993, nhưng không đăng ký kết hôn. Vì lý do không hiểu biết pháp luật nên bà N và ông T không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc,

yêu thương nhau nhưng chỉ được một thời gian, đến năm 2005 nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống thường bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Bà N đã cố gắng vì con mà tiếp tục chung sống cùng ông T nhưng đến đầu năm 2020 mâu thuẫn giữa bà N và ông T ngày càng trầm trọng. Bà N và ông T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2020 đến nay, ông T không quan tâm, thường xuyên xúc phạm bà N. Nay xác định tình cảm giữa bà và ông T không thể tiếp tục chung sống cùng ông T được nữa nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có 02 (hai) con chung là cháu Cẩm Thị D, sinh ngày 20/9/1997 và cháu Cẩm Bá S, sinh ngày 27/3/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Cẩm Bá T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có 02 (hai) con chung là cháu Cẩm Thị D, sinh ngày 20/9/1997 và cháu Cẩm Bá S, sinh ngày 27/3/1999, các cháu đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản bà N không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phối hợp với chính quyền địa phương để giao giấy triệu tập, niêm yết các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như các loại văn bản tố tụng khác cho ông Cẩm Bá T đến Tòa án để làm việc nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Tại các Biên bản xác minh với chính quyền địa phương cùng ngày 27/02/2024 thể hiện: Ông Cẩm Bá T đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn BD, xã VX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa, ông T chưa chuyển khẩu đi đâu, ông Cẩm Bá T có số định danh cá nhân là 038068040852, hiện nay ông T vẫn làm ăn sinh sống tại địa phương. Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn cãi cọ nhau. Nay được biết bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/02/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về việc bà Ngát cung cấp Giấy khuyết tật thể hiện: Bà N thuộc dạng khuyết tật vận động, hàng tháng bà được hưởng chế độ theo quy định, với dạng khuyết tật trên bà chỉ khó khăn về nghe, trong giao dịch dân sự hàng ngày bà vẫn nhận thức tốt về hành vi của mình mà không cần ai giám hộ.

Quá trình giải quyết vụ án ông T không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N nên thuộc trường hợp bị đơn từ chối khai báo cổ tình lẫn tránh vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có 02 (hai) con chung là cháu Cẩm Thị D, sinh ngày 20/9/1997 và cháu Cẩm Bá S, sinh ngày 27/3/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản; công nợ: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Ngát có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vắng mặt ông T Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Việc khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị N và ông Cẩm Bá T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, xử không công nhận bà N và ông T là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có 02 (hai) con chung là cháu Cẩm Thị D, sinh ngày 20/9/1997 và cháu Cẩm Bá S, sinh ngày 27/3/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Cẩm Bá T, Tòa án đã giao, tổng đạt niêm yết các loại giấy tờ tố tụng theo quy định. Ông T đã biết bà N làm thủ tục ly hôn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà N, nhưng ông T vẫn cố tình trốn tránh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, ông T đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy, ông T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, ông không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để giải quyết vắng mặt ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 5; Điều 9; Điểm a Khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T.

Về con chung: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) và ông Cẩm Bá T có 02 (hai) con chung là cháu Cẩm Thị D, sinh ngày 20/9/1997 và cháu Cẩm Bá S, sinh ngày 27/3/1999. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, có sức khỏe lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Bà Lê Thị N (Lê Thị Hồng N) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số: 0006319 ngày 31/01/2024 tại Chi cục thi hành án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được chuyển thành tiền án phí của bà N phải nộp.

Quyền kháng cáo: Bà Lê Thị N, ông Cầm Bá T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- *VKSND huyện Thường Xuân;*
- *TAND tỉnh Thanh Hoá;*
- *Chi cục THADS huyện Thường Xuân;*
- *Đương sự; Người bảo vệ QLIHP;*
- *UBND xã Vạn Xuân;*
- *Lưu HSVA.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Tâm